

TỜ KHAI GỬI HÀNG

SHIPPER'S LETTER OF INSTRUCTION

Người gửi (Shipper): Địa chỉ (address): Email : Số ĐT (Tel): Fax: MST (VAT code):	Số không vận đơn (Air Waybill number): Chúng tôi xác nhận khai báo đúng theo tính chất thực tế của hàng hóa. Nếu như có hàng nguy hiểm sẽ được khai báo đúng theo qui định và thể lệ vận chuyển hàng hoá nguy hiểm của IATA. Tờ khai gửi hàng này không có giá trị thay thế tờ khai hàng hóa hàng nguy hiểm. We certify that the content of this consignment is properly identified by name. Insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is in proper condition for carriage by air according to IATA's Dangerous Goods Regulation. This does not replace the Shipper's Declaration for Dangerous Goods.
Đơn vị cung cấp dịch vụ (Agent): Địa chỉ (address): Email : Số ĐT (Tel): Fax: MST (VAT code):	<input type="checkbox"/> Hình thức thanh toán (Term of payment) <input type="checkbox"/> Tiền mặt (Cash) <input type="checkbox"/> Chuyển khoản (Bank transfer) <input type="checkbox"/> Khác (Others) * Đánh dấu (✓) vào ô thích hợp (Tick (✓) where applicable)
Người nhận (Consignee): Địa chỉ (address): Email: Số ĐT (Tel): Fax:	Nơi đi (Airport of Departure): Nơi đến (Airport of Destination): Chuyến bay/ Ngày (Flight/ Date): /
Thông báo cho (Notify): Địa chỉ (address): Tel:	

Số kiện (Total Pieces)	Loại hàng (Description of goods)	Trọng lượng Gross weight (kg)	Trọng lượng tính cước Chargeable weight (kg)

Kích thước (dài x rộng x cao)/ Dimentions (L x W x H):

.....

.....

.....

.....

Hướng dẫn phục vụ (Handling Information and remarks)

Hàng chuyển nhanh (Express cargo)
 Động vật sống (Liveshock)
 Hàng giá trị (Valuable cargo)
 Hàng nguy hiểm (Dangerous Goods)
 Hàng dễ hư hỏng (Perishable cargo)
 Hàng dễ mất (Vulnerable Cargo)
 Yêu cầu khác (Others) :

Mã hàng đặc biệt (Special handling code)	Yêu cầu nhiệt độ lưu kho (Temp storage) Từ (from): °C đến (to): °C
--	--

Nhân viên tiếp nhận (Acceptance staff's signature):	Người gửi (Shipper's signature):
---	--

Ngày/ giờ (Date/ Time):	Ngày/ giờ (Date/ Time):
---	---

Chú ý (note):

- Dán nhãn hàng vào mặt sau của trang thứ nhất (màu trắng) và thứ tư (màu vàng). AWB label will be pasted on the behind of the first copy (white) and the fourth copy (yellow).
- SCSC không chịu trách nhiệm về việc trễ chuyến bay, nếu thời gian hoàn tất thủ tục Hải quan của lô hàng trễ hơn thời gian kết sổ chuyến bay. In case of shipment complete Customs formality at the time later than the Cut - off time of flight, any claim occurred will be dispensed by us

BW/KTHH/007

Ngày ban hành: 01/10/2010

SỐ THỨ TỰ
(Serial Number)
E 00001

GIAO (DISTRIBUTION)

Bản 01 (màu trắng): Quầy xuất không vận đơn. 01 copy (white) - Airwaybill issuing counter.
 Bản 02 (màu hồng): Thu ngân. 02 copy (Pink) - Cashier.

Bản 03 (màu xanh): Người gửi hàng. 03 copy (Blue) - Shipper.
 Bản 04 (màu vàng): Kho xuất. 04 copy (Yellow) - (Export Docs).